

## BẢNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

**Nhiệm vụ:** Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cầu Sơn, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

**Đơn vị thực hiện:** Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý Chất lượng Nước, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

**Thời gian:** Đợt 1 (tháng 1/2018)

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l) <sub>N</sub>	Nitrat (mg/l) <sub>N</sub>	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
1	1	Công Cẩm Sơn (hạ lưu hồ Cẩm Sơn)	Trời nhiều mây, t° = 18°C, độ ẩm 73%, gió ĐĐN 6 km/h. Dòng chảy chậm, nước cạn.	Nước màu xanh lục.	7.78	5.7	6.57	0.1	0.334	0.140	154	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi.
2	2	Sông Thương tại Hữu Lũng	Trời nhiều mây, t° = 18°C, độ ẩm 70%, gió ĐN 6 km/h. Dòng chảy chậm.	Nước màu xanh lục.	8.03	5.4	7.63	0.1	0.389	0.329	216	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
3	3	Công	Trời nhiều mây, t° = 18°C,	Nước	8.25	3.8	7.92	0.2	0.482	0.371	277	Đủ điều kiện

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
		điều tiết Kè Sơn	độ ẩm 69%, gió NĐN 3 km/h. Cổng đóng, không dòng chảy, nước cạn.	màu xanh lục.								<b>dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
4	4	Cổng Quang Hiến	Trời nhiều mây, t° = 20°C, độ ẩm 65%, gió ĐN 6 km/h. Cổng đóng, không có dòng chảy. Nhiều váng ở thượng lưu cổng.	Nước màu xanh lục.	8.06	5	6.38	0.2	0.505	0.416	280	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
5	5	Cổng điều tiết Đào Mỹ (đầu cống điều tiết Hòa Mỹ)	Trời nhiều mây, to = 25oC, độ ẩm 65%, gió NĐN 6 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở.	Nước màu xanh.	8.04	13.6	6.05	0.2	8.314	0.956	359	<b>Không đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
6	6	Cầu K5	Trời nhiều mây, t° = 17.2°C, độ ẩm 70%, gió ĐN 6 km/h. Dòng chảy chậm.	Nước màu xanh lục.	8.02	14.5	6.01	0.2	0.653	0.506	320	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
7	7	Kênh T19 (cuối kênh Tây)	Trời nhiều mây, t° = 25°C, độ ẩm 68%, gió NĐN 6 km/h. Không có dòng chảy. Có nhiều rác thải trên kênh.	Nước màu ghi xám.	7.78	66.4	0	1.2	29.526	1.125	1490	Không đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
8	8	Kênh Tô Ròng (đầu kênh Giữa)	Trời nhiều mây, t° = 19°C, độ ẩm 68%, gió N 118 km/h. Công đóng, không có dòng chảy. Nhiều rác thải đọng ở thượng lưu công.	Nước màu xanh đen.	8.98	11.2	12.12	0.2	0.971	0.484	277	Không đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												<b>động, thực vật thủy sinh.</b>
9	9	Kênh Kè Hoàn	Trời nhiều mây, t° = 25°C, độ ẩm 67%, gió NĐT 16 km/h. Dòng chảy vừa, cống mở.	Nước màu xanh lục.	8.89	3.8	6.98	0.2	0.761	0.484	303	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
10	10	Kênh Hà Vang	Trời nhiều mây, t° = 25°C, độ ẩm 69%, gió ĐND 11 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở. Có nhiều rác thải trên kênh.	Nước màu xanh lục.	8.85	2.3	10.67	0.2	0.179	0.711	283	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
11	11	Kênh Thái Đào	Trời nhiều mây, t° = 19°C, độ ẩm 67%, gió ĐN 6 km/h. Cống mở, dòng chảy trung bình.	Nước màu xanh lục.	8.71	12.6	6.56	0.2	0.148	0.464	273	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động,</b>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l) <sub>N</sub>	Nitrat (mg/l) <sub>N</sub>	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												thực vật thủy sinh.
12	12	Kênh G52 (cuối kênh)	Trời nhiều mây, t° = 18°C, độ ẩm 72%, gió NĐN 11 km/h. Dòng chảy chậm. Có nhiều rác thải ở thượng lưu công, kênh gần điểm tập kết rác thải thôn Tân Sơn.	Nước màu xanh lục.	8.46	9.1	6.54	0.2	0.194	0.452	273	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
13	13	Cầu Quạt (đầu kênh Yên Lại)	Trời nhiều mây, t° = 18,2°C, độ ẩm 73%, gió ĐN 7 km/h. Dòng chảy chậm.	Nước màu xanh lục.	7.92	8.6	6.12	0.2	0.490	0.425	256	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
14	14	Kênh Hà Phú	Trời nhiều mây, t° = 17°C, độ ẩm 69%, gió NĐN 6 km/h. Dòng chảy chậm. Có nhiều rác ở thượng lưu công.	Nước màu xanh.	7.2	4.3	3.98	0.1	0.109	0.164	263	Không đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												<b>kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
15	15	Kênh Y22 (cuối kênh)	Trời nhiều mây, t° = 17°C, độ ẩm 70%, gió NĐN 6 km/h. Không có dòng chảy. Có nhiều rác thải trên kênh.	Nước màu đen.	7.72	31	0	1.3	43.512	0.860	1690	<b>Không đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
16	16	Trạm bơm Bảo Sơn (đầu kênh Bảo Sơn)	Trời nhiều mây, t° = 18°C, độ ẩm 69%, gió NĐN 6 km/h. Trạm bơm không hoạt động, không có dòng chảy.	Nước màu xanh lục.	7.65	10.5	6.2	0.2	0.249	0.378	269	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
17	17	Kênh V8	Trời nhiều mây, t° = 18°C, độ ẩm 65%, gió NĐN 5 km/h.	Nước màu xanh	7.34	12.7	<b>3.56</b>	0.2	0.606	0.277	325	<b>Không đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy</b>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
			Dòng chảy chậm, nước cạn.	lục.								lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
18	18	Kênh V12 (cuối kênh)	Trời nhiều mây, t° = 17.5°C, độ ẩm 67%, gió NĐN 8 km/h. Không có dòng chảy, nước cạn. Có nhiều rác thải trên kênh.	Nước màu đen.	7.52	25	1.56	0.7	21.756	0.612	920	Không đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

**Ghi chú:**

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.